

**BẢNG ĐIỂM MÔN: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN
LẦN THI 1, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2008-2009, ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHOA QH-2008-I/CQ
KHOA CƠ HỌC KỸ THUẬT VÀ TỰ ĐỘNG HÓA, NGÀNH CƠ HỌC KỸ THUẬT, LỚP K53H**

TT	MSV	Họ tên	N.sinh	GT	KT TX 10%	KT 1 10%	KT 2 10%	KT 3 10%	Cuối kỳ 60%	Điểm KL	Bảng chữ
1	8020004	Phạm Hoàng An	11/16/1990								
2	8020016	Nguyễn Thế Anh	3/15/1989		6,0	6,0	6,0	7,0	6,0	6,1	Sáu phẩy một
3	8020020	Phan Đức Anh	9/7/1990		7,0	6,0	6,0	7,0	7,0	6,8	Sáu phẩy tám
4	8020028	Lương Văn Bách	5/13/1990		5,0	6,0	7,0	6,0	6,0	6,0	Sáu
5	8020026	Nguyễn Đức Bảo	12/19/1990		9,0	8,0	9,0	8,0	4,0	5,8	Năm phẩy tám
6	8020029	Đoàn Hữu Bắc	9/18/1990		3,0	7,0	10,0	7,0	5,0	5,7	Năm phẩy bảy
7	8020495	Tô Hoàn Bắc	3/12/1989		5,0	7,0	6,0	0,0	5,0	4,8	Bốn phẩy tám
8	8020048	Phùng Minh Chung	8/25/1989		7,0	7,0	7,0	7,0	8,0	7,6	Bảy phẩy sáu
9	8020054	Đỗ Quốc Cường	5/20/1990		4,0	6,0	5,0	5,0	7,0	6,2	Sáu phẩy hai
10	8020073	Đỗ Văn Duy	7/13/1990		7,0	6,0	7,5	5,0	5,0	5,6	Năm phẩy sáu
11	8020085	Nguyễn Việt Dũng	6/30/1990		9,0	7,0	8,0	8,0	4,0	5,6	Năm phẩy sáu
12	8020090	Nguyễn Đại Dương	10/19/1990		8,0	7,0	7,0	8,0	7,0	7,2	Bảy phẩy hai
13	8020095	Nguyễn Văn Đại	5/4/1990		9,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,5	Bảy rưỡi
14	8020097	Đinh Văn Đạt	7/9/1990		9,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,4	Bảy phẩy tư
15	8020104	Kim Văn Điệp	3/25/1990		9,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,5	Bảy rưỡi
16	8020115	Đỗ Văn Đức	2/17/1990		10,0	8,0	9,0	8,0	8,0	8,3	Tám phẩy ba
17	8020127	Nguyễn Trọng Giảng	1/26/1988		4,0	6,0	7,0	6,0	7,0	6,5	Sáu rưỡi
18	8020139	Nguyễn Đăng Hải	4/13/1989		2,0	5,0	6,0	6,0	7,0	6,1	Sáu phẩy một
19	8020151	Lê Xuân Hiếu	2/11/1990		9,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,4	Bảy phẩy tư
20	8020169	Nguyễn Văn Hoat	6/25/1990		8,0	6,0	8,0	8,0	6,0	6,6	Sáu phẩy sáu
21	8020178	Phạm Văn Huy	8/18/1990		9,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,5	Bảy rưỡi
22	8020179	Phùng Quang Huy	9/24/1990		7,0	8,0	8,0	7,0	5,0	6,0	Sáu
23	8020199	Chu Văn Hữu	10/11/1990		7,0	8,0	7,0	7,0	6,0	6,5	Sáu rưỡi
24	8020208	Lưu Trường Khánh	6/29/1990		10,0	8,0	9,0	9,0	7,0	7,8	Bảy phẩy tám
25	8020213	Nguyễn Thiên Khiêm	2/8/1990		9,0	8,0	8,0	8,0	6,0	6,9	Sáu phẩy chín
26	8020214	Ngô Văn Khiết	7/18/1990		7,0	7,0	6,0	7,0	7,0	6,9	Sáu phẩy chín
27	8020223	Trình Văn Kiên	12/6/1990		9,0	7,0	8,0	8,0	7,0	7,4	Bảy phẩy tư
28	8020224	Vũ Văn Kiệt	6/10/1990		9,0	8,0	7,0	8,0	6,0	6,8	Sáu phẩy tám
29	8020540	Trần Văn Kiều	7/10/1990		8,0	6,0	7,0	7,0	6,0	6,4	Sáu phẩy tư
30	8020227	Lê Đình Lâm	11/4/1990		10,0	8,0	8,0	8,0	6,0	7,0	Bảy
31	8020233	Ngô Tuấn Linh	9/17/1990		10,0	8,0	8,0	9,0	6,0	7,1	Bảy phẩy một
32	7020259	Dương Đức Lợi	1/12/1989								
33	8020252	Mac Văn Lượng	1/4/1990		7,0	6,0	7,0	6,0	6,0	6,2	Sáu phẩy hai
34	8020256	Chu Quốc Mạnh	10/6/1990		9,0	8,0	7,0	7,0	8,0	7,9	Bảy phẩy chín
35	8020263	Nguyễn Văn Minh	1/29/1990		6,0	6,0	6,0	6,0	7,0	6,6	Sáu phẩy sáu
36	8020534	Vũ Ngọc Mỹ	2/11/1987		6,0	6,0	6,0	6,0	7,0	6,6	Sáu phẩy sáu
37	8020295	Đỗ Lê An Phương	3/8/1990	Nữ	6,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,7	Bảy phẩy bảy
38	8020513	Trần Quốc Quân	5/15/1990		6,0	6,0	6,0	6,0	8,0	7,2	Bảy phẩy hai
39	8020515	Đỗ Văn Quyền	9/10/1989		6,0	6,0	7,0	6,0	6,0	6,1	Sáu phẩy một
40	8020490	Hồ Quang Sáng	12/15/1990		5,0	6,0	8,0	7,0	5,0	5,6	Năm phẩy sáu
41	8020326	Hà Văn Sâm	9/11/1990		6,0	8,0	7,0	6,0	4,0	5,1	Năm phẩy một
42	8020516	Lã Trung Sơn	8/11/1990		5,0	6,0	6,0	0,0	6,0	5,3	Năm phẩy ba
43	8020330	Lê Ngọc Sơn	2/11/1990		4,0	6,0	7,0	6,0	8,0	7,1	Bảy phẩy một
44	8020345	Nguyễn Văn Tân	5/12/1990		5,0	6,0	7,0	7,0	5,0	5,5	Năm rưỡi
45	8020348	Đặng Tuấn Thanh	10/28/1990								

GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Trâm

Ngày 10 tháng 7 năm 2009
CÁN BỘ NHẬN KẾT QUẢ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Huy



**BẢNG ĐIỂM MÔN : NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN
LẦN THI 1, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2008-2009, ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHOA QH-2008-I/CQ
KHOA CƠ HỌC KỸ THUẬT VÀ TỰ ĐỘNG HÓA, NGÀNH CƠ HỌC KỸ THUẬT, LỚP K53H**

TT	MSV	Họ tên	N.sinh	GT	KT TX 10%	KT 1 10%	KT 2 10%	KT 3 10%	Cuối kỳ 60%	Điểm KL	Bảng chữ
46	8020355	Đặng Lê Thành	11/12/1988		9,0	8,0	9,0	8,0	7,0	7,6	Bảy phẩy sáu
47	8020374	Mai Huy Thắng	4/16/1990		1,0	5,0	6,0	6,0	7,0	6,0	Sáu
48	8020375	Ngô Quang Thắng	1/26/1990		1,0	5,0	6,0	6,0	5,0	4,8	Bốn phẩy tám
49	8020400	Nguyễn Văn Thức	3/28/1990		9,0	8,0	8,0	8,0	6,0	6,9	Sáu phẩy chín
50	8020404	Đỗ Văn Tiến	9/27/1990		9,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,5	Bảy rưỡi
51	8020419	Vũ Bảo Trung	1/15/1990		9,0	8,0	7,0	8,0	6,0	6,8	Sáu phẩy tám
52	8020527	Nguyễn Văn Tuấn	4/28/1990		9,0	7,0	8,0	7,0	6,0	6,7	Sáu phẩy bảy
53	8020451	Nguyễn Duy Tùng	12/8/1990		7,0	7,0	7,0	7,0	3,0	4,6	Bốn phẩy sáu
54	8020457	Trần Đình Tùng	10/25/1990		9,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,1	Tám phẩy một
55	8020465	Phạm Thanh Tư	6/5/1990		9,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,5	Bảy rưỡi
56	8020477	Ngô Quang Vũ	9/1/1990		6,0	7,0	7,0	7,0	4,0	5,1	Năm phẩy một

GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Trâm

Ngày 10 tháng 7 năm 2009
CÁN BỘ NHẬN KẾT QUẢ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Huy

Ngày 01/07/2009



TS. Phạm Công Nhất